TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/DS - ST
Ngày: 20 - 7 - 2017.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh
Ông Lê Quang Chính

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Quen - cán bộ Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-DS ngày 9 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST- DS, ngày 28-6-2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phi L, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: Khu P, phường Đ, TP. P - T, Ninh Thuận (có mặt) .

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm: 1987
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, Ninh Thuận (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Phi L trình bày: Năm 2016 ông Nguyễn Thành Q làm ăn khó khăn có vay của ông số tiền 95.000.000 đồng; cụ thể: ngày 26-6-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 13-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 28-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng và ngày 04-1-2016 vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thời gian 2 tháng trả gốc; còn lãi cứ 1.000.000 đồng một tháng trả lãi là 15.000 đồng; về mẫu hợp đồng vay do ông L soạn sẵn để chừa khoảng trống phần họ tên, năm sinh, nơi thường trú, số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả, người mượn tiền; khi ông Q đồng ý vay tự viết chữ và số điền vào các khoảng trống trên của hợp đồng, ký tên ghi rõ họ tên vào phần người mượn tiền và ông Q còn ghi thêm phía dưới lãi suất 15,000 đồng (phần ghi thêm lãi suất 15.000 đồng là khoản 2 bên thỏa thuận lãi suất). Khi ông Q vay đến ngày trả, ông L đòi nhiều lần nhưng ông Q không chịu

trả nên ông L khởi kiện; nay ông L yêu cầu ông Q trả cho ông số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng; ông không yêu cầu ông Q trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Q trình bày: Năm 2016 ông làm ăn khó khăn có vay của ông Trần Phi L số tiền 45.000.000 đồng; cụ thể: ngày 13-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng và ngày 04-11-2016 vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có thỏa thời gian 2 tháng trả gốc; còn lãi cứ 1.000.000 đồng một ngày trả lãi là 15.000 đồng, nhưng ông không trả lãi hàng ngày mà trả lãi hàng tháng trên số nợ gốc của 45.000.000 đồng, cứ một tháng ông trả lãi trực tiếp cho ông L nhận 8.000.000 đồng và ông đã trả lãi được 43.000.000 đồng, việc trả lãi hai bên không có làm giấy; còn số tiền ghi trong giấy mượn tiền ngày 26-6-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng, ngày 28-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng ông Q không thừa nhận có nợ của ông L, ông Q thừa nhận về mẫu hợp đồng vay do ông L soạn sẵn để chừa khoảng trống phần họ tên, năm sinh, nơi thường trú, số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả, người mượn tiền, khi ông (Q) đồng ý vay chính tay ông (Q) tự viết chữ và số điền vào các khoảng trống trên, ký tên ghi rõ họ tên vào phần người mượn tiền và có giấy ông (Q) còn ghi thêm phía dưới lãi suất 15,000 đồng (phần ghi thêm lãi suất 15.000 đồng là khoản 2 bên thỏa thuận lãi suất).

Nay ông Q thừa nhận có nợ của ông L 45.000.000 đồng và ông đồng ý trả cho ông L 45.000.000 đồng; còn lãi suất 43.000.000 đồng ông tự thỏa thuận trả cho ông L trước đây nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; còn số tiền ghi trong giấy mượn tiền ngày 26-6-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng, ngày 28-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng ông Q không thừa nhận có nợ của ông L,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xữ phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xữ nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xữ áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên xữ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q phải trả nợ (gốc) cho ông Trần Phi L 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "hợp đồng vay tài sàn"

Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2005; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa ông Trần Phi L khẳng định năm 2016 ông Nguyễn Thành Q có vay của ông số tiền 95.000.000 đồng; cụ thể: ngày 26-6-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 13-8-2016 vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 28/8/ 2016 vay số tiền 25.000.000 đồng và ngày 04-11-2016 vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thời gian 2 tháng trả gốc; còn lãi cứ 1.000.000 đồng một tháng trả lãi là 15.000 đồng và chính tay ông Q điền vào các khoảng trống trong hợp đồng về phần họ tên, năm sinh, nơi thường trú, số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả, người mượn tiền, ký tên ghi rõ họ tên vào phần người mượn tiền và ông Q còn ghi thêm phía dưới lãi suất 15,000 đồng

Nay ông Q chỉ thừa nhận có nợ (gốc) của ông L 45.000.000 đồng và ông đồng ý trả cho ông L 45.000.000 đồng của các khoản nợ vay vào ngày 13-8-2016 số tiền 25.000.000 đồng và ngày 04-11-2016 số tiền 20.000.000 đồng; còn lãi suất 43.000.000 đồng ông tự thỏa thuận trả cho ông L trước đây nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; đối với số tiền ghi trong giấy mượn tiền ngày 26-6-2016 số tiền 25.000.000 đồng, ngày 28-8-2016 số tiền 25.000.000 đồng ông Q không thừa nhận có nợ của ông L. Nhưng ông Q đã thừa nhận chính tay ông ghi họ tên, năm sinh, nơi thường trú, số tiền vay, thời hạn vay, thời hạn trả, người mượn tiền và tự viết chữ và số điền vào các khoảng trống của các hợp đồng trên, ký tên ghi rõ họ tên vào phần người mượn tiền. Như vậy việc ký kết hợp đồng trên giữa ông L và ông Q có xảy ra.

Vì vậy đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Thành Q phải trả cho ông Trần Phi L số tiền nợ vay 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng chẵn)

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết Tòa án mỡ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ông L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thành Q phải chịu 4.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Phi L số tiền 2.375.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013139 ngày 09-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471, Điều 474, Điều 478Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phi L đối với ông Nguyễn Thành Q về yêu cầu ông Nguyễn Thành Q phải trả nợ cho ông Trần Phi L số tiền nợ (gốc) 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Buộc ông Nguyễn Thành Q phải trả cho ông Trần Phi L số tiền nợ (gốc) 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thành Q phải chịu 4.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Phi L số tiền 2.375.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013139 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Ngọc Minh **Lê Quang Chính** **Đoàn Sửu**